

Kiến thức PHP



VINAENTER
Đã Học Là Làm Được



File PHP là gì?

- File PHP có thể bao gồm text, HTML, CSS, JavaScript, và mã code PHP
- Mã code PHP được thực thi tại server, và trả về kết quả trên trình duyệt bằng mã nguồn HTML
- File PHP có đuôi mở rộng là ".php"

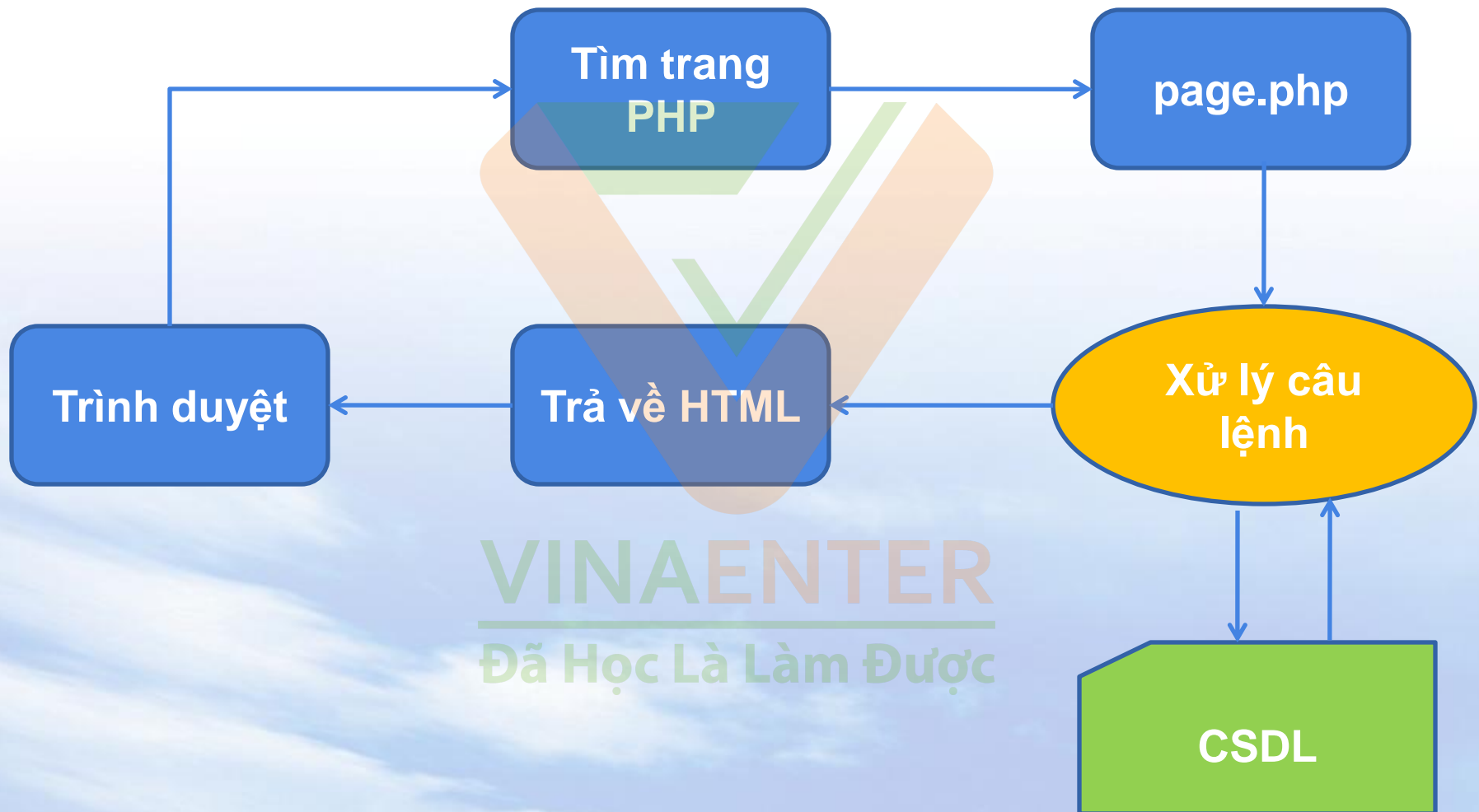


Tại sao bạn nên dùng PHP

- Mã nguồn mở và miễn phí
- Phổ biến
- Chuyên viết cho môi trường web
- Có thể lập trình với dạng OOP
- Nhiều hỗ trợ và tài liệu hướng dẫn

VINAENTER
Đã Học Là Làm Được

PHP hoạt động thế nào





Tạo trang PHP đầu tiên

Tạo trang PHP đầu tiên lưu trong thư mục:

htdocs / hocphp / page.php

với nội dung: "**Đây là trang PHP đầu tiên của tôi**"
và chạy trên localhost.

```
<?php
```

```
echo "Đây là trang PHP đầu tiên của tôi";
```

```
?>
```

Đã Học Là Làm Được

Variables: Biến số

The logo for VinaENTER, featuring the word "VinaENTER" in orange and blue text, with a white arrow pointing to the right.

- Trong PHP biến được ký hiệu bởi dấu "\$" đi sau là các ký tự bao gồm các chữ cái thường (a - z), in hoa (A - Z), các chữ số (0 - 9) và dấu "gạch dưới" (_).
- Biến không được viết cách
- Biến không được bắt đầu bằng chữ số

Đã Học Là Làm Được



Một số cách đặt tên biến đúng

- \$bien
- \$bienSo
- \$BienSo
- \$bien_so
- \$bien2



VINAENTER

Đã Học Là Làm Được



Sử dụng biến

■ Biến

```
<?php
$bien = 25251325;
echo $bien;

$bien = "VinaTAB EDU";
echo $bien;

$Bien = "Học lập trình ONLINE";
echo $Bien;
?>
```




In biến trong dấu nháy đôi " ... "

- Kết hợp { ... } để in biến trong dấu nháy " ... "

```
<?php
$fullname = "VinaTAB";
$username = "admin";
$password = 123456;

echo "Tên trung tâm là {$fullname} ";
echo "Tên đăng nhập là {$username} và Mật khẩu là: {$password}";
?>
```

VINAENTER
Đã Học Là Làm Được



In biến trong dấu nháy đơn ' ... '

- Kết hợp nối chuỗi ■ để in biến trong dấu nháy đơn ' ... '

```
<?php
$fullname = "VinaTAB";
$username = "admin";
$password = 123456;

echo 'Tên trung tâm là ' . $fullname . ' ';
echo 'Tên đăng nhập là ' . $username . ' và Mật khẩu là ' . $password;
?>
```

VINAENTER
Đã Học Là Làm Được



In HTML trong PHP

Tên trung tâm là **VinaTAB**

Tên đăng nhập là **admin** và Mật khẩu là: **123456**



```
<?php
$fullname = "VinaTAB";
$username = "admin";
$password = 123456;

echo "Tên trung tâm là <strong>{$fullname}</strong> ";
echo "<br /><br />";
echo "Tên đăng nhập là <span style='color:red'>{$username}</span>
và Mật khẩu là: <span style='color:blue'>{$password}</span>";
?>
```



PHP kết hợp HTML

Tên trung tâm là **VinaTAB**

Website trung tâm là: <http://vinatab.net>

Tên đăng nhập là **admin** và Mật khẩu là: **123456**



```
<?php
$fullname = "VinaTAB";
$username = "admin";
$password = 123456;

echo "Tên trung tâm là <strong>{$fullname}</strong> ";
?>

<p>Website trung tâm là: <a href="http://vinatab.net" title="">http://vinatab.net</a></p>
<?php
echo "Tên đăng nhập là <span style='color:red'>{$username}</span>
và Mật khẩu là: <span style='color:blue'>{$password}</span>";
?>
```



Chuỗi - string

- Các biến dạng chuỗi(string) được dùng để lưu trữ văn bản hoặc ký tự.
- Các chuỗi hay ký tự cần được đặt trong dấu ngoặc kép "..." hoặc ngoặc đơn '...'

```
<?php
$hoten = "Nguyễn Văn A";
$lop = "KH01";

echo "<p>Họ tên: {$hoten}<br />Học viên lớp: {$lop}</p>";
?>
```



Các hàm thường dùng trong chuỗi

```
<?php
$string1 = "Cố gắng học";
$string2 = " sẽ thành tài";
?>

<p>
    <strong>String Length: </strong><?php echo strlen($string1); ?>
</p>
<p>
    <strong>String thay thế: </strong>
    <?php echo str_replace('sẽ', 'ắt', $string2); ?>
</p>
```

- **strlen(\$chuoi)**: lấy độ dài của chuỗi
- **str_replace(\$tim, \$thaythe, \$chuoi)**: tìm và thay thế



Hằng - constant

- Hằng thường là 1 giá trị không thay đổi và được sử dụng nhiều lần trong 1 file hoặc 1 dự án PHP
- Tên hằng thường viết HOA

```
<?php
define("USERNAME", "admin");
define("PASSWORD", 123456);

echo "Chào, " . USERNAME;
echo "<br /> Password của bạn là: " . PASSWORD;
?>
```

Đã Học Là Làm Được



Các hàm thường dùng trong số

\$so = 12189000.478;

- **rand(\$min, \$max):** lấy số ngẫu nhiên từ \$min đến \$max
- **ceil:** Làm tròn đến số nguyên gần nhất và lớn nhất
- **floor:** Làm tròn đến số nguyên gần nhất và nhỏ nhất
- **number_format:** định dạng cách hiển thị giữa các phần nghìn trong 1 số

Các hàm thường dùng trong số

```
<?php
```

```
$so = 12189000.478;
```

```
echo rand(1,100) . "<br />";
```

```
echo ceil($so) . "<br />";
```

```
echo floor($so) . "<br />";
```

```
echo number_format($so, 2, ",", ".") . "<br />";
```

```
?>
```

56

12189001

12189000

12.189.000,48

Đã Học Là Làm Được

Các toán tử

- Toán tử số học: $+$ $-$ $*$ $/$ $\%$
- Toán tử nối chuỗi: $.$
- Toán tử gán: $+=$ $-=$ $*=$ $/=$
- Toán tử so sánh: $==$ $!=$ $>$ $>=$ $<$ $<=$
- Toán tử luận lý: $!$ $\&\&$ $||$



Các toán tử

- Toán tử số học: **+** **-** ***** **/** **%**

```
<?php
```

```
$x = 10; $y = 4;
```

```
echo ($x + $y); // kết quả 14
```

```
echo ($x - $y); // kết quả 6
```

```
echo ($x * $y); // kết quả 40
```

```
echo ($x / $y); // kết quả 2.5
```

```
echo ($x % $y); // kết quả 2
```

```
?>
```



Các toán tử

- Toán tử nối chuỗi: ■

```
<?php
```

```
$str1 = "Học lập trình";
```

```
$str2 = "PHP&MySQL";
```

```
echo $str1 . " " . $str2;
```

```
?>
```

Đã Học Là Làm Được



Các toán tử

- Toán tử gán: $+=$ $-=$ $*=$ $/=$

Toán tử gán	Ý nghĩa
$x = y$	$x = y$
$x += y$	$x = x + y$
$x -= y$	$x = x - y$
$x *= y$	$x = x * y$
$x /= y$	$x = x / y$
$x \% = y$	$x = x \% y$

Ví dụ Toán tử gán

```
<?php
```

```
$y = 150; $y += 50; echo $y;
```

```
$x = 125; $x -= 25; echo $x;
```

```
$y = 10; $y *= 6; echo $y;
```

```
$x = 10; $x /= 4; echo $x;
```

```
$y = 20; $y %= 6; echo $y;
```

```
?>
```

VINAENTER

Đã Học Là Làm Được



Các toán tử

- Toán tử so sánh: **==** **!=** **>** **>=** **<** **<=**
- Dùng để so sánh 2 giá trị (có kiểu dữ liệu là kiểu chuỗi string hoặc kiểu số)
 - ==** : so sánh hai giá trị. Trả về là TRUE nếu 2 giá trị bằng nhau, ngược lại, khác nhau thì trả về FALSE.
 - !=** : trả về TRUE nếu 2 giá trị khác nhau. Còn trả về FALSE nếu nó giống nhau.
 - >** : ví dụ \$a > \$b, trả về TRUE nếu a lớn hơn b.
 - >=** : ví dụ \$a >= \$b, trả về TRUE nếu a lớn hơn hoặc bằng b.
 - <** : ví dụ \$a < \$b, trả về TRUE nếu a nhỏ hơn b.
 - <=** : ví dụ \$a <= \$b, trả về TRUE nếu a nhỏ hơn hoặc bằng b.



Các toán tử

- Toán tử luận lý: **!** **&&** **||**
- Toán tử **&&** (hay **and**): chỉ đúng khi cả 2 đều đúng
- Toán tử **||** (hay **or**): chỉ sai khi cả 2 đều sai

\$a	\$b	Toán tử	Kết quả
true	true	&&	true
true	false	&&	false
false	true		true
false	false		false
true		!	false

Các toán tử - Kết quả sao?

```
<?php
//cho các biến
$vong1 = 86; $vong2 = 60; $vong3 = 90;
//biểu thức
$kiemtra1 = ($vong1 == $vong3) > true;
$kiemtra2 = ($vong1 >= $vong3) == false;
$kiemtra3 = ($vong2 <= $vong1) && ($vong2 < $vong3);
$kiemtra4 = ($vong1 != $vong3) || $vong2;
$kiemtra5 = (!($vong1 == 90)) || ($vong3 == 90);
$kiemtra6 = (($vong2 > 60) && ($vong2 < 80)) || (!($vong1 == $vong3));
$kiemtra7 = !$kiemtra6;
$kiemtra8 = $kiemtra2 && (!$kiemtra3);
?>
```

Tính toán trong số

```
<?php
$don_gia = 2900000;
$so_luong = 3;
$uu_dai = 0.1;
//tổng học phí 3 học viên
$tongtien = $don_gia * $so_luong;
//tính học phí 3 học viên được ưu đãi
$tienuudai = $tongtien * $uu_dai;
//tổng học phí 3 học viên phải đóng
$thanhtien = $tongtien - $tienuudai;
//in ra
echo "<br />Tổng học phí 3 học viên: {$tongtien}";
echo "<br />Tổng học phí ưu đãi: {$tienuudai}";
echo "<br />Học phí 3 học viên cần đóng: {$thanhtien}";
?>
```




Lệnh điều kiện if

- Dạng 1: khuyết else

```
if (điều kiện) {  
    //khởi lệnh tại đây  
}
```

- Ví dụ

```
$a = 5;  
if ($a > 2) {  
    echo "Số a lớn hơn 2";  
}
```



Lệnh điều kiện if ...else

- Dạng 2

```
if (điều kiện) {  
    //khởi lệnh nếu điều kiện đúng  
} else {  
    //khởi lệnh nếu điều kiện sai  
}
```

- Ví dụ

```
$a = 5;  
if ($a >= 2) {  
    echo "Số a lớn hơn hoặc bằng 2";  
} else {  
    echo "Số a bé hơn 2";  
}
```



Cấu trúc chọn lựa switch

■ Cú pháp

```
switch (biến điều kiện)
{
    case giá trị 1:
        //Khối lệnh1
    break;
    case giá trị 2:
        //Khối lệnh 2
    break;
    ...
    [default:
        //khối lệnh khi không thỏa tất cả các case trên
    ]
}
```



Ví dụ switch...case

■ Ví dụ

```
$thu = rand(2,8);  
switch ($thu)  
{  
    case 2:  
        echo "Thứ 2"; break;  
    case 3:  
        echo "Thứ 3"; break;  
    case 4:  
        echo "Thứ 4"; break;  
    case 5:  
        echo "Thứ 5"; break;  
    case 6:  
        echo "Thứ 6"; break;  
    case 7:  
        echo "Thứ 7"; break;  
    default:  
        echo "chủ nhật";  
}
```



Vòng lặp for

- **for** được sử dụng khi chúng ta biết trước số lần cần lặp, biến đếm chạy trong khoảng giới hạn của vòng lặp, và giá trị lặp

```
for ($biến_đếm=giá trị; điều kiện; giá trị lặp) {  
    //khởi lệnh  
}
```

```
<?php  
$tong = 0;  
for ($i = 1; $i <= 10; $i++) {  
    $tong = $tong + $i;  
}  
echo $tong;  
?>
```



Ví dụ Phân trang cách viết 1

[Trang 1](#) [Trang 2](#) [Trang 3](#) [Trang 4](#) [Trang 5](#) [Trang 6](#)



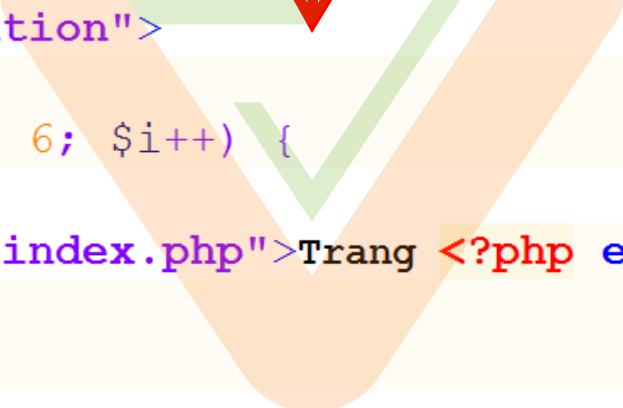
```
<ul class="pagination">
<?php
for($i = 1; $i <= 6; $i++) {
    echo "<li><a href='index.php'>Trang {$i}</a></li>";
}
?>
</ul>

<style>
.pagination{list-style:none;}
.pagination li{float:left; margin-right:10px;}
</style>
```




Ví dụ Phân trang cách viết 2

[Trang 1](#) [Trang 2](#) [Trang 3](#) [Trang 4](#) [Trang 5](#) [Trang 6](#)



```
<ul class="pagination">
<?php
for($i = 1; $i <= 6; $i++) {
?>
    <li><a href="index.php">Trang <?php echo $i; ?></a></li>
<?php
}
?>
</ul>

<style>
.pagination{list-style:none;}
.pagination li{float:left; margin-right:10px;}
</style>
```

VINAENTER
Đã Học Là Làm Được

Vòng lặp while

- Thực hiện lặp đi lặp lại một công việc nào đó khi thỏa điều kiện
- **while** được sử dụng khi không xác định được số lần lặp (số lần lặp phụ thuộc vào điều kiện tại thời điểm thực thi)
- Chú ý: **phải có điều kiện để dừng lệnh**

```
<?php
while (điều kiện) {
    //khởi lệnh
}
?>
```

Vòng lặp while

```
<?php
```

```
//Tính tổng các số từ 1 đến 10
```

```
$tong = 0; $n = 10; $i = 0;
```

```
while ($i <= $n) {
```

```
    $i = $i + 1;
```

```
    $tong = $tong + $i;
```

```
}
```

```
echo $tong;
```

```
?>
```

VINAENTER

Đã Học Là Làm Được

Các hàm kiểm tra giá trị của biến

- **isset()**: Kiểm tra tồn tại của biến
- Ví dụ:

```
$a = 5;  
if (isset($a)) {  
    echo "Biến a = {$a}";  
} else {  
    echo "Không tồn tại biến a";  
}
```

Các hàm kiểm tra giá trị của biến

- **unset()**: Hủy giá trị của biến
- Ví dụ:

```
$a = 5;  
unset($a);  
  
if (isset($a)) {  
    echo "Biến a = {$a}";  
} else {  
    echo "Không tồn tại biến a";  
}
```



In biến dùng var_dump()

- **var_dump()**: là một hàm có sẵn trong PHP, dùng để kiểm tra các dữ liệu trong một biến
- Ví dụ:

int(10) bool(true) bool(false)

```
<?php
$biena = 10;
$check1 = true;
$check2 = false;

var_dump($biena);
var_dump($check1);
var_dump($check2);
?>
```


Ví dụ HEADER - location

```
<?php ob_start ();?>
<html>
    <head>
        <title>Header</title>
    </head>
    <body>
        <?php
            header("location: http://vinatab.net");
            exit();
        ?>
    </body>
</html>
<?php ob_end_flush ();?>
```

VINAENTER
Đã Học Là Làm Được



Dùng HEADER để chuyển hướng

```
<?php
ob_start();
// các lệnh PHP
header ("LOCATION: url_cần_chuyển");
// các lệnh PHP
ob_end_flush();
?>
```

VINAENTER
Đã Học Là Làm Được

Ví dụ HEADER - location

```
<?php ob_start();?>
<html>
  <head>
    <title>Header</title>
  </head>
  <body>
    <?php
      $role = rand(1,3);
      if ($role == 1){
        header("location: admin.php");
      } elseif ($role == 2){
        header("location: mod.php");
      } else {
        header("location: index.php");
      }
      exit();
    ?>
  </body>
</html>
<?php ob_end_flush();?>
```